

Bản án số: 10/2018/HCST

Ngày: 29/5/2018

V/v “*Kiến Quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thanh Liên

2. Bà Nguyễn N Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Mỹ Tho - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duyên Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2017/TLST-HC ngày 10/7/2017 về việc khởi kiện: “*Quyết định hành chính về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HC ngày 12 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị H, có mặt

Địa chỉ: Khu dân cư số 7, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Quang N;

Địa chỉ: Phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, có mặt.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, vắng mặt

Địa chỉ: Đường T, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Võ Thành T- Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 10/8/2016 UBND huyện C lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 404/BB-VPHC đối với bà Nguyễn Thị H do có hành vi lấn, chiếm 125,4m² đất ở thuộc thửa đất số 85 tờ bản đồ số 18 tại đường S, huyện C.

Ngày 18/8/2016 Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 734/QĐ-XPVPHC (viết tắt là *Quyết định 734*) về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn Thị H, do đã thực hiện hành vi lấn chiếm đất ở theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ.

Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền với mức phạt 7.500.000đồng.

Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc bà Nguyễn Thị H trả lại đất lấn chiếm và khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm.

Do bà H không thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 05/12/2017 Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 1056/QĐ-CCXP (viết tắt là *Quyết định 1056*) về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính của bà H.

Ngày 29/6/2017 bà H làm đơn khởi kiện đối với Quyết định số 734. Ngày 26/3/2018 bà H làm đơn khởi kiện Quyết định số 1056.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện trình bày:

Nguồn gốc đất 125,4 m² thuộc thửa số 85 tờ bản đồ số 18 khu dân cư số 7 do bà H sử dụng từ năm 1998 cho đến nay vào mục đích trồng cây hàng năm, không ai tranh chấp. Năm 2012 bà H làm đơn xin cấp giấy CNQSD đất nhưng chưa được giải quyết. Năm 2016 bà H có dựng 01 chòi tạm và mái che để bán nước giải khát. Tuy nhiên ngày 10/8/2016 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà H là không đúng, không căn cứ vào nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất và quá trình sử dụng đất của bà H nên đã gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của bà H.

Quyết định số 734 ban hành quá thời hạn tại khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm Hành chính là vi phạm. Quyết định số 734 áp dụng sai pháp luật vì việc phát hiện vi phạm từ năm 2012 nhưng lại áp dụng nghị định 102 năm 2014 là không đúng. Vì các lý do trên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết:

Tuyên hủy Quyết định số 734 và hủy Quyết định số 1056 đối với bà H.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người bị kiện trình bày:

- Về trình tự thủ tục xử phạt:

Việc phát hiện và yêu cầu bà H dừng thực hiện hành vi vi phạm lấn chiếm đất ở của Nhà nước được tiến hành từ ngày 03/9/2015 tại Biên bản số 302/BB-TNMT của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C về việc làm nền và sửa chữa nhà của gia đình ông C (chồng bà H).

Ngày 06/6/2016 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C lập biên bản về việc lấn chiếm đất nhà nước của hộ bà Nguyễn Thị H.

Ngày 29/6/2016 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C lập biên bản số 370/BB-TNMT về việc kiểm tra xác định vị trí diện tích đất của bà H có hành vi vi

phạm. Ngày 27/7/2016 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C lập biên bản số 389/BB-TNMT về việc xác minh nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất và quá trình sử dụng đất của bà H xác định khoảng năm 2013 đến cuối năm 2013 bà H lấn chiếm diện tích 125,4m² của ông Lương Văn M trả lại cho Nhà nước để trồng xoài.

Ngày 10/8/2016 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà H. Ngày 18/8/2016 Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 734/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn Thị H.

Căn cứ bộ hồ sơ địa chính huyện C được thành lập năm 1998 thì thửa 85 tờ bản đồ số 18 (một phần thửa số 69 tờ bản đồ số 29 cũ) chủ sử dụng là UBND huyện C. Căn cứ Quyết định số 8963/QĐ-UB ngày 08/11/2018 của UBND tỉnh B về phê duyệt qui hoạch 1/500 trung tâm C thì vị trí lấn chiếm đất của bà H là đất ở phân lô có ký hiệu CII 23.

Thủ tục giao nhận Quyết định xử phạt đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Bà H không thực hiện quyết định Quyết định số 734 mặc dù UBND huyện C đã ra nhiều văn bản và vận động nhiều lần, nên Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 1056 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả với Quyết định số 734 là đúng pháp luật. Tuy nhiên việc ban hành quyết định Quyết định số 734 là quá thời hạn qui định. Đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định pháp luật.

Đại diện VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu:

Về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng Hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Quyết định số 734 ban hành quá thời hạn tại khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm Hành chính là vi phạm nên phải hủy quyết định, do đó Quyết định số 1056 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính chấp nhận đơn khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia phiên tòa 02 lần; Tại phiên Tòa người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham gia phiên tòa. Căn cứ

Điều 157, Điều 158 Luật tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định.

[2] Về xác định đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Quyết định số 734/QĐ-XPVPHC ngày 18/8/2016 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn Thị H (Quyết định số 734) và Quyết định số 1056/QĐ-CCXP ngày 05/12/2017 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (Quyết định số 1056) của Chủ tịch UBND huyện C là đối tượng khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 29/6/2017 bà H làm đơn khởi kiện đối với Quyết định số 734. Ngày 26/3/2017 bà H làm đơn khởi kiện Quyết định số 1056 là còn trong thời hạn khởi kiện theo điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[4] Về thẩm quyền: Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 734 là đúng thẩm quyền theo Điều 34 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[5] Về nội dung và thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

Diện tích 125,4m² đất ở thuộc thửa đất số 85 tờ bản đồ số 18 tại đường S của bà Nguyễn Thị H bị xử phạt hành chính, bà H chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ bộ hồ sơ địa chính huyện C được thành lập năm 1998 thì thửa 85 tờ bản đồ số 18 (một phần thửa số 69 tờ bản đồ số 29 cũ) chủ sử dụng là UBND huyện C.

Ngày 10/8/2016 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà H, nhưng đến ngày 18/8/2016 Chủ tịch UBND huyện C mới ban hành Quyết định số 734 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà H là vi phạm khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm Hành chính. Đây là vụ việc không có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp phải giải trình, nên căn cứ khoản 2 Điều 66 Luật xử lý vi phạm Hành chính thì Chủ tịch UBND huyện C không được ban hành Quyết định xử phạt số 734; do đó cũng không có căn cứ ban hành Quyết định số 1056 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà H; vì vậy chấp nhận quan điểm của VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, chấp nhận đơn khởi kiện của bà H để hủy Quyết định xử phạt số 734 và Quyết định số 1056 của Chủ tịch UBND huyện C.

[6] Về Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời sẽ được Tòa án xử lý khi đủ các điều kiện theo quy định pháp luật.

[7] Án phí hành chính sơ thẩm: Căn cứ Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì Chủ tịch UBND huyện C phải nộp 300.000đ. Bà H được trả lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng: Khoản 1 và 2 Điều 66 Luật xử lý vi phạm Hành chính năm 2012;
Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H hủy Quyết định số 734/QĐ-XPVPHC ngày 18/8/2016 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và hủy Quyết định số 1056/QĐ-CCXP ngày 05/12/2017 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị H của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

2. Về Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời sẽ được Tòa án xử lý khi đủ các điều kiện theo quy định pháp luật.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C phải nộp 300.000đ. Bà Nguyễn Thị H được trả lại số tiền 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0005717 ngày 04/7/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh.

4. Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết. Đối với trường hợp đương sự đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA**

Đã ký

Đào Đức Thiện